

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

*“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly  
hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Võ Thị Điệp;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983.

*Bị đơn:* Trương Văn Chí D, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh D vắng mặt tại phiên tòa; Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trương Văn Chí D kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 26/7/2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh D thường xuyên chơi cờ bạc, số đề, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị T và anh D đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung thì hai bên không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn Chí D.

- Về nuôi con: Chị T và anh D có 02 con chung tên Trương Văn Đ, sinh ngày 03/11/2004 và Trương Anh A, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay, con chung tên Đức đang sống cùng anh D, con chung tên Tuấn đang sống với chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Trương Văn Đ và Trương Anh A, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên hòa giải ngày 29/3/2022 anh Trương Văn Chí D là bị đơn trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh D thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh D thừa nhận trước đây có tham gia cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình nhưng anh đã từ bỏ. Anh D không đồng ý ly hôn với chị T do còn thương vợ con. Tuy nhiên, từ tháng 4/2021 cho đến nay anh D không tìm được cách hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Văn Đ, sinh ngày 03/11/2004 và Trương Anh A, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay, con chung tên Đức đang sống cùng anh D, con chung tên Tuấn đang sống với chị T.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Trương Văn Đ, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý giao con chung tên Trương Anh A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:***

1. Giấy chứng nhận kết hôn giữa Trương Văn Chí D và Nguyễn Ngọc T (bản sao).

2. Giấy khai sinh Trương Văn Đ (bản sao).

3. Giấy khai sinh Trương Anh A (bản sao).

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 29/3/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn Chí D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Trương Văn Chí D đang cư trú tại ấp A, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Trương Văn Chí D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Chị Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D.

#### *Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện tổ chức đám cưới sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cao Lãnh ngày 26/7/2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình sống, chị T và anh D không xây dựng được hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh D thường xuyên chơi cờ bạc, số đề, không quan tâm chăm sóc gia đình. Tháng 4/2021, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với nhau từ đó đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Đối với anh D thừa nhận mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng nhưng cho rằng vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh D không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được chị T để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào

Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về nuôi con: Chị T và anh D thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Trương Văn Đức, sinh ngày 03/11/2004 và Trương Anh A, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay, con chung tên Đ đang sống cùng anh D, con chung tên Tuấn đang sống với chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Anh A và cháu Trương Văn Đ. Xét thấy, hiện nay cháu Tuấn đang chung sống với chị T ổn định; tại phiên hòa giải ngày 29/3/2022, anh D đồng ý tiếp tục giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn. Đồng thời, cháu A có nguyện vọng tiếp tục sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Anh A sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu Tuấn theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

Riêng cháu Trương Văn Đ hiện nay đang sống cùng anh D. Khi ly hôn, chị T và anh D đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đ. Xét thấy, hiện nay cháu Đức đang chung sống với anh D ổn định, hơn nữa cháu Đ có nguyện vọng tiếp tục sống với anh D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Văn Đ sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu Đ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của anh D.

Chị T, anh D không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị T và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị T và anh D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Trương Văn Chí D.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Anh A, sinh ngày 17/6/2008. Anh Trương Văn Chí D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Văn Đ, sinh ngày 03/11/2004. Chị T, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, do người còn lại không yêu cầu.

Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trương Văn Chí D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007352 ngày 10/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đô**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai**

**Trần Văn Đô**